

Bản án số: 99/2025/HS-PT
Ngày 17 tháng 02 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh;

Ông Trần Văn Đạt.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 814/2024/TLPT-HS ngày 05 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Công K; Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- **Bị cáo:** Nguyễn Công K, sinh năm 1983, tại tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: khu phố N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; Chỗ ở: số B khu dân cư H, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Công K1 và bà Trần Thị D; có vợ và 01 con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo Nguyễn Công K hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 2539/2024/QĐ-LCĐKNCT ngày 05/9/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Công K:** Luật sư Thái Văn C - Công ty L; Địa chỉ: G Đường A, khu phố E, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

(Trong vụ án, còn có 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X (gọi tắt là công ty X) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310613327 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp lần đầu ngày 29/01/2011, trụ sở chính tại: C H, phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 17/10/2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3, chuyển trụ sở chính Công ty từ Thành phố H về địa chỉ thôn L (nay là khu phố L), thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; ngành nghề đăng ký kinh doanh gồm: buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa), động vật sống. Nguyễn Công K (sinh năm 1983, nơi cư trú: khu phố N, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở: số B khu dân cư H, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận) là chủ sở hữu, giám đốc Công ty và là người đại diện theo pháp luật của Công ty X. Nguyễn Công K bắt đầu nhập khẩu hạt điều thô có nguồn gốc từ các nước châu P như: Tanzania, Sierra Leone, G, N,... thông qua việc ký hợp đồng mua bán với Công ty T, địa chỉ: S, C H, Vương quốc H để làm nguyên liệu sản xuất xuất khẩu theo loại hình E31 (theo mã loại hình xuất nhập khẩu của T1 quy định) **là loại hình nhập khẩu nguyên liệu sản xuất để xuất khẩu, được miễn thuế nhập khẩu** từ năm 2014 đến khoảng tháng 11/2017 thì dừng hoạt động nhập khẩu hạt điều thô. Nguyễn Công K xuất khẩu hạt điều nhân (theo mã loại hình xuất nhập khẩu của T1 quy định) là **loại hình** xuất sản phẩm sản xuất xuất khẩu bắt đầu từ tháng 8/2014 đến tháng 7/2019 thì dừng hoạt động xuất khẩu hạt điều nhân. Thời gian mở tờ khai cuối cùng xuất khẩu hạt điều nhân là tháng 7 năm 2019; nơi đăng ký thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu, mở tờ khai nhập khẩu, xuất khẩu, thông quan tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng B thuộc Cục Hải quan tỉnh Đ.

Ngày 01/3/2022, Cục Hải quan tỉnh Đ ban hành Quyết định số 0121/QĐ-HQĐNa về việc kiểm tra sau thông quan đối với Công ty X. Qua kiểm tra tình hình sử dụng, tồn kho nguyên liệu, vật tư loại hình sản xuất xuất khẩu mặt hàng hạt điều tại thời điểm 31/12/2019 xác định số liệu tồn kho giữa khai báo Hải quan và tồn kho thực tế của Công ty X chênh lệch thiếu là 618.795,09 kg hạt điều thô, do Công ty X đã tiêu thụ nội địa nguyên liệu hạt điều thô nhập khẩu được miễn thuế, loại hình sản xuất xuất khẩu E31. Đoàn kiểm tra đã lập biên bản kiểm tra và ghi nhận kết quả kiểm tra tại biên bản số 57/BB-HC ngày 21/3/2022.

Quá trình điều tra xác định các năm 2016 và năm 2017, Công ty X nhập khẩu hạt điều thô để làm nguyên liệu sản xuất xuất khẩu nhưng không tiến hành sản xuất xuất khẩu mà tự ý bán 618.795,09 kg hạt điều thô nhập khẩu cho 03 doanh nghiệp và 01 cá nhân trong nước vào năm 2018, có xuất hóa đơn giá trị gia tăng với khối lượng 704.106,05 kg (trong đó 618.795,09 kg hạt điều thô được nhập khẩu và 85.310,96 kg hạt điều thô được Nguyễn Công K mua trôi nổi từ các cá nhân trên địa bàn huyện H, tỉnh Bình Thuận). Cụ thể:

- Ngày 08/6/2018, Công ty X bán số lượng 212.967,57 kg hạt điều thô nhập khẩu chưa bóc vỏ, với số tiền 10.009.475.790 đồng (trong đó, 127.656,61 kg là hạt điều thô nhập khẩu, 85.310,96 kg là hạt điều thô mua trôi nổi của các cá nhân tại huyện H); xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000213 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N1, địa chỉ: xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 10/6/2018, Công ty X bán số lượng 109.138,48 kg hạt điều thô nhập khẩu chưa bóc vỏ, với số tiền 5.129.508.560 đồng; xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000214 cho ông Trương Bá C1, địa chỉ: thôn P, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- Ngày 16/6/2018, Công ty X bán số lượng 231.690 kg hạt điều thô nhập khẩu chưa bóc vỏ, với số tiền 10.889.430.000 đồng; xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000216 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N2, địa chỉ: xã B, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 18/6/2018, Công ty X bán số lượng 150.310 kg hạt điều thô nhập khẩu chưa bóc vỏ, với số tiền 7.064.570.000 đồng; xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000217 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T2, địa chỉ: xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Số lượng 618.795,09 kg hạt điều thô nhập khẩu mà Nguyễn Công K bán cho 03 công ty tại tỉnh Đồng Nai và 01 cá nhân tại tỉnh Bình Phước được nhập khẩu theo 6 tờ khai:

- Tờ khai nhập khẩu số 101452367332, loại hình E31, ngày đăng ký 12/6/2017; ngày thông quan 26/6/2017; nước xuất khẩu: Tanzania; số lượng 127,358kg; giá tính thuế: 5.626.326.205,5 đồng ($1,95 \text{ USD/kg} = 44.177,25 \text{ VND/kg}$); số hạt điều thô đã sử dụng để gia công chế biến và xuất khẩu là: 60.355 kg, giá tính thuế là 2.666.317.923,75 đồng; số lượng hạt điều thô chưa bóc vỏ bán nội địa: 67.003 kg, giá tính thuế là 2.960.008.281,75 đồng.

- Tờ khai nhập khẩu số 101479504122, loại hình E31, ngày đăng ký 27/6/2017; ngày thông quan 29/6/2017; nước xuất khẩu: Nigeria; số lượng hạt điều thô chưa bóc vỏ bán nội địa: 101.001 kg; giá tính thuế: 4.140.966.409,25 đồng ($1,825 \text{ USD/kg} = 41.409,25 \text{ VND/kg}$).

- Tờ khai nhập khẩu số 101675626952, loại hình E31, ngày đăng ký 26/10/2017; ngày thông quan 08/11/2017; nước xuất khẩu: Guinea-Bissau; số lượng hạt điều thô chưa bóc vỏ bán nội địa: 136.850 kg; giá tính thuế: 6.674.550.837,5 đồng ($2,15 \text{ USD/kg} = 48.772,75 \text{ VND/kg}$).

- Tờ khai nhập khẩu số 101671914632, loại hình E31, ngày đăng ký 24/10/2017; ngày thông quan 08/11/2017; nước xuất khẩu: Guinea-Bissau; số lượng hạt điều thô chưa bóc vỏ bán nội địa: 137.305 kg; giá tính thuế: 6.696.742.438,75 đồng ($2,15 \text{ USD/kg} = 48.772,75 \text{ VND/kg}$).

- Tờ khai nhập khẩu số 101672020112, loại hình E31, ngày đăng ký 24/10/2017; ngày thông quan 08/11/2017; nước xuất khẩu: Guinea-Bissau; số lượng hạt điều thô chưa bóc vỏ bán nội địa: 118.932 kg; giá tính thuế: 5.800.640.703 đồng ($2,15 \text{ USD/kg} = 48.772,75 \text{ VND/kg}$).

- Tờ khai nhập khẩu số 101714379913, loại hình E31, ngày đăng ký 16/11/2017, ngày thông quan 23/11/2017; nước xuất khẩu: Sierra Leone; số lượng hạt điều thô chưa bóc vỏ bán nội địa là 58.704 kg; giá tính thuế: 2.756.011.910,4 đồng ($2,07 \text{ USD/kg} = 46.947,6 \text{ VND/kg}$).

Kết luận định giá số 1204/KL-HĐĐGTS ngày 25/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bình Thuận kết luận:

Tổng giá trị 618.795,09 kg hạt điều thô nhập khẩu bán nội địa tại thời điểm tháng 06/2018 là 29.083.369.230 đồng.

Ngày 08/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phối hợp với Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Bình Thuận tiến hành kiểm tra, xác minh thực tế tại kho, nhà xưởng sản xuất tại trụ sở chính của Công ty X xác định: không còn tồn hạt điều thô nhập khẩu, không còn tồn hạt điều nhân để sản xuất xuất khẩu. Toàn bộ máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất hạt điều đã được Nguyễn Công K tháo dỡ khỏi vị trí lắp đặt và sắp xếp vào kho để chờ bán thanh lý; thực trạng hoạt động cho thấy Công ty X đã không còn sản xuất mặt hàng hạt điều để xuất khẩu hoặc bán nội địa.

Cục Hải quan tỉnh Đ đã ban hành Quyết định ấn định thuế số 238/QĐ-HQĐNa ngày 29/03/2022 đối với Công ty X, số tiền thuế ấn định là 1.451.446.228 đồng. Nguyễn Công K đã nộp số tiền thuế 2.167.043.675 đồng (gồm số tiền thuế thiếu 1.451.446.228 đồng và số tiền chậm nộp phát sinh 715.597.447 đồng) vào ngân sách Nhà nước. Cục Hải quan tỉnh Đ ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0768/QĐ-XPHC ngày 31/8/2022 đối với Công ty X về hành vi “sử dụng hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế không đúng mục đích mà không khai báo việc chuyển đổi mục đích sử dụng với cơ quan Hải quan”, phạt số tiền 1.451.446.228 đồng. Nguyễn Công K đã nộp số tiền phạt 1.505.371.250 đồng (gồm số tiền phạt 1.451.446.228 đồng và số tiền chậm nộp là 53.925.022 đồng) vào Kho bạc Nhà nước.

Ngày 21/7/2023, Cục Hải quan tỉnh Đ có Kiến nghị khởi tố số 1356/HQĐNa-CBL đối với vụ việc tại Công ty X. Ngày 17/8/2023 Cục Hải quan tỉnh Đ ban hành Quyết định số 568/QĐ-HB hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0768/QĐ-XPHC ngày 31/8/2022 và chuyển toàn bộ số tiền nộp phạt, phạt nộp chậm 1.505.371.250 đồng vào tài khoản của Phòng Cảnh sát thi hành án và hỗ trợ tư pháp - Công an tỉnh B. Ngày 15/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ra Lệnh nhập kho vật chứng số tiền trên.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận ra quyết định chuyển vật chứng, chuyển số tiền 1.505.371.250 đồng vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận chờ xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào: Điểm a khoản 4 Điều 188; Điều 38; điểm b, s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Công K, phạm tội “*Buôn lậu*”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Công K 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày thi hành án.
3. Về biện pháp tư pháp và vật chứng: Căn cứ vào Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Truy thu từ bị cáo Nguyễn Công K số tiền 29.083.369.230 đồng (được làm tròn 29.083.369.000 đồng). Được khấu trừ đi số tiền 1.805.371.250 đồng (được làm tròn 1.805.371.000 đồng) mà bị cáo đã nộp. Số tiền còn lại buộc bị cáo phải

tiếp tục nộp để nộp vào ngân sách nhà nước là 27.277.998.000 đồng (*Hai mươi bảy tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm chín mươi tám nghìn đồng*).

Số tiền 1.505.371.250 đồng hiện đang tạm giữ tại tài khoản Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận theo Quyết định chuyển vật chứng số 06/QĐ-VKSBT-P1 ngày 03/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận và Ủy nhiệm chi lập ngày 08/5/2024; số tiền 300.000.000 đồng hiện đang tạm giữ tại tài khoản Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu tiền số 0000117 ngày 04/7/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Tiếp tục kê biên tài sản theo Lệnh kê biên tài sản số 09/CSKT-Đ4 ngày 03/01/2024 của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 01/8/2024, bị cáo Nguyễn Công K có đơn kháng cáo xin chuyển hình phạt chính sang hình phạt tiền, không buộc bị cáo nộp lại số tiền 29.083.369.230 đồng và hủy bỏ lệnh kê biên tài sản đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Công K thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm do bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hình sự khi chưa xem xét các khoản thuế nhập khẩu bị cáo đã đóng 5% là 1.451.000.000 đồng, tổng số tiền bị cáo đã nộp cho nhà nước là 2.167.000.000 đồng. Tài sản bị kê biên có tài sản đã thế chấp bên Ngân hàng mà không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, những nguồn tiền và tài sản của bị cáo không liên quan đến quá trình buôn lậu nhưng lại đưa vào là không đúng. Cấp sơ thẩm chỉ hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0768/QĐ-XPHC ngày 31/8/2022 mà không hủy Quyết định ấn định thuế số 238/QĐ-HQĐNa ngày 29/03/2022 của Cục Hải quan tỉnh Đ cũng không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng với lý do chưa hủy các quyết định hành chính, tuy nhiên hành vi của bị cáo đủ yếu tố truy cứu trách nhiệm hình sự. Mặt khác bị cáo không cung cấp được đầy đủ các hợp đồng tín dụng trong số 15 tài sản bị kê biên cũng như là bị cáo chưa cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền bị cáo đã nộp mà chưa được cấp sơ thẩm xem xét nên không có đủ cơ sở để đánh giá về yêu cầu kháng cáo này của bị cáo. Về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về hành vi buôn lậu và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, xét xử bị cáo với mức án 07 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của bị cáo. Đối với số tiền 29.000.000.000 đồng là thuộc trường hợp tài sản do phạm tội mà có nên Tòa án cấp sơ thẩm đưa vào vụ án là có căn cứ. Đối với 15 tài sản bị kê biên để đảm bảo thi hành án, đối với ngân hàng có quyền khởi kiện thành một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa: Tổng số tiền bị cáo đã nộp là 3.672.000.000 đồng; khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng TMCP S Chi nhánh B1 vào tham gia tố tụng là ảnh hưởng đến quyền lợi của

các bên, đề nghị xem xét số tiền 29.000.000.000 đồng theo bản án sơ thẩm đã tuyên xử. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Công K nằm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Nguyễn Công K - đại diện theo pháp luật của Công ty X thực hiện nhập khẩu hạt điều thô từ các nước C theo loại hình nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất xuất khẩu (loại hình E31), không phải chịu thuế nhập khẩu. Theo quy định của pháp luật về hải quan thì toàn bộ nguyên liệu hạt điều thô này phải được sản xuất xuất khẩu, không cho phép tự ý chuyển tiêu thụ nội địa. Việc chuyển tiêu thụ nội địa hoặc thay đổi mục đích sử dụng đối với hàng hóa là hạt điều thô chưa bóc vỏ chỉ được thực hiện sau khi hoàn thành thủ tục hải quan đối với tờ khai hải quan mới, đồng thời nguyên liệu tiêu thụ phải phù hợp với loại hàng hóa được cho phép tiêu thụ nội địa hay chuyển đổi mục đích sử dụng. Hạt điều thô nhập khẩu có nguồn gốc từ các nước Châu phi, không thuộc danh mục các nước được phép xuất khẩu thực phẩm có nguồn gốc thực vật vào Việt Nam và số hạt điều này chưa được kiểm định an toàn thực phẩm, nên không thể được phép tiêu thụ tại thị trường Việt Nam. Tuy nhiên, trong tổng số nguyên liệu nhập khẩu về, có số lượng 618.795,09 kg hạt điều thô, trị giá 29.083.369.230 đồng bị cáo không thực hiện thủ tục khai báo lại, xin chuyển đổi mục đích sử dụng mà tự ý bán tiêu thụ trong thị trường nội địa.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội “Buôn lậu” theo điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm do có vi phạm tố tụng. Về việc không hủy Quyết định ấn định thuế số 238/QĐ-HQĐNa ngày 29/03/2022 của Cục Hải quan tỉnh Đ mà chỉ hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0768/QĐ-XPHC ngày 31/8/2022. Hội đồng xét xử xét thấy số Quyết định số 238/QĐ-HQĐNa ngày 29/03/2022 là quyết định ấn định thuế dựa trên Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0768/QĐ-XPHC ngày 31/8/2022 để ấn định thuế buộc bị cáo phải nộp, nên khi Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bị hủy thì đương nhiên quyết định ấn định thuế cũng không còn tồn tại, do đó khai nại này của bị cáo là không có căn cứ xem xét.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của cơ quan Nhà nước nên cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo bị xét xử theo điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm tù. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện chuyển nộp số tiền 1.505.371.250 đồng và ngày 04/7/2024 tiếp tục nộp thêm 300.000.000 đồng để khắc phục cho Ngân sách Nhà nước; quá trình kinh doanh có nhiều thành tích xuất sắc, được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng. Trên cơ sở đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 07 năm tù - dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp. Giá trị hàng hóa bị cáo phạm tội tương đối lớn, việc áp dụng hình phạt tiền không đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo đề nghị được chuyển sang hình phạt tiền của bị cáo.

Đối với số tiền 29.083.369.230 đồng là giá trị 618.795,09 kg hạt điều thô bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm truy thu để nộp vào ngân sách Nhà nước là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật. Bị cáo kháng cáo đề nghị không buộc bị cáo nộp lại số tiền trên và hủy bỏ lệnh kê biên tài sản đối với bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Công K; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Công K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Công K.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào: Điểm a khoản 4 Điều 188; Điều 38; điểm b, s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Công K, phạm tội “*Buôn lậu*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Công K 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày thi hành án.

3. Về biện pháp tư pháp và vật chứng: Căn cứ vào Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Truy thu từ bị cáo Nguyễn Công K số tiền 29.083.369.230 đồng (được làm tròn 29.083.369.000 đồng). Được khấu trừ đi số tiền 1.805.371.250 đồng (được làm tròn 1.805.371.000 đồng) mà bị cáo đã nộp. Số tiền còn lại buộc bị cáo phải tiếp tục nộp để nộp vào ngân sách nhà nước là 27.277.998.000 đồng (*Hai mươi bảy tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm chín mươi tám nghìn đồng*).

Số tiền 1.505.371.250 đồng hiện đang tạm giữ tại tài khoản Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận theo Quyết định chuyển vật chứng số 06/QĐ-VKSBT-P1 ngày 03/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận và Ủy nhiệm chi lập ngày 08/5/2024; số tiền 300.000.000 đồng hiện đang tạm giữ tại tài khoản Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu tiền số 0000117 ngày 04/7/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Tiếp tục kê biên tài sản theo Lệnh kê biên tài sản số 09/CSKT-Đ4 ngày 03/01/2024 của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B để đảm bảo thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Nguyễn Công K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Bình Thuận (2);
- VKSND tỉnh Bình Thuận (1);
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận (1);
- Công an tỉnh Bình Thuận (1);
- BCTN (2);
- Lưu VP(5), HS(2). 17b.LTTT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy